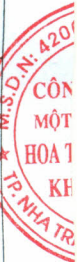


### BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 71/QĐ-CTHTHHKVVIII ngày 21/12/2018  
của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII)

#### Bảng niêm yết giá dịch vụ tại cảng biển

TT	Tên dịch vụ cung ứng	Quy cách, chất lượng	Đơn vị Tính	Mức giá niêm yết hiện hành	Mức giá niêm yết mới	% tăng hoặc giảm giá	Ghi chú
1	<b>Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa (giá đã bao gồm thuế VAT 10%)</b>						
1.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu Vân Phong, Ba Ngòi (tỉnh Khánh Hòa)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	Đồng/GT/HL	27,5	27,5	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 550.000 đồng / lượt dẫn tàu
1.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tuyến dẫn tàu Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa), tuyến dẫn tàu Ninh Chữ, Cà Ná (tỉnh Ninh Thuận)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	Đồng/GT/HL	27,5	27,5	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 550.000 đồng / lượt dẫn tàu
1.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	Đồng/GT	66	66	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 330.000 đồng / lượt dẫn tàu
1.4	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu mà khoảng cách dẫn tàu từ 05 hải lý trở lên	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	Đồng/GT/HL	27,5	27,5	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 330.000 đồng / lượt dẫn tàu
	Dịch vụ Hoa tiêu chờ	Theo tiêu	Đồng/1			-	-Hoa tiêu chưa xuất



1.5	đợi trong trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ.	chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	người/ 1 giờ	22.000	22.000		phát tính 1 giờ. -Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, tính tối thiểu 01 giờ chờ đợi.
1.6	Dịch vụ Hoa tiêu và phương tiện chờ đợi	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	Đồng/1 người và phương tiện/ 1 giờ	220.000	220.000	-	-Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, tính tối thiểu 01 giờ chờ đợi. - Hoa tiêu chờ đợi tại địa điểm đón tàu dưới 4 giờ sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu.
1.7	Dịch vụ hủy Hoa tiêu do chờ đợi quá 04 giờ tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	Đồng/GT/HL  Đồng/GT	Bằng 80% mức giá kê khai tại điểm 1.1; 1.2;1.4;  Bằng 80% mức giá kê khai tại điểm 1.3	Bằng 80% mức giá kê khai tại điểm 1.1; 1.2;1.4;  Bằng 80% mức giá kê khai tại điểm 1.3	-	Giá tối thiểu cho một tàu/ 1 lần hủy hoa tiêu bằng giá tối thiểu quy định tại điểm 1.1;1.2;1.3; 1.4
1.8	Dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu thuyền có hành trình đề thử máy móc, thiết bị, hiệu chỉnh la bàn	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	Đồng/GT/HL (hoặc Đồng/GT)	Bằng 110% mức giá kê khai tại điểm 1.1; 1.2;1.3;1.4	Bằng 110% mức giá kê khai tại điểm 1.1; 1.2;1.3;1.4	-	Giá tối thiểu cho một tàu/lượt dẫn tàu bằng 110% giá tối thiểu quy định tại điểm 1.1;1.2;1.3; 1.4
1.9	Dịch vụ phương tiện phát sinh cho việc đưa đón hoa tiêu do tàu thuyền không tới thẳng cảng mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	Đồng/ 1 tàu/1 lần	330.000	330.000	-	-
1.10	Dịch vụ hoa tiêu phát sinh khi hoa tiêu đã đến vị trí đón hoa tiêu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015	Đồng/1 tàu/1 lượt	550.000	550.000	-	- Áp dụng với tàu thuyền ra, vào cảng quy định tại điểm 1.1;1.2

	nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực	số giấy CN: HT 3690.16.31		330.000	330.000		- Áp dụng với tàu thuyền di chuyển trong cảng quy định tại điểm 1.3;1.4
1.1 1	Dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	Đồng/GT	66	66	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 330.000 đồng/lượt dẫn tàu
<b>2</b>	<b>Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế (giá đã bao gồm thuế VAT 10%)</b>						
2.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại tuyến dẫn tàu Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa), trừ khu chuyển tải dầu tại Vịnh Vân Phong – Khánh Hòa	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/GT/HL	0,00495	0,00495	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 330 USD/lượt dẫn tàu
2.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời tại khu chuyển tải dầu tại vịnh Vân Phong – Khánh Hòa	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/GT/HL	0,002475	0,002475	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 330 USD/lượt dẫn tàu
2.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền vào hoặc rời tại tuyến dẫn tàu Nha Trang, tuyến dẫn tàu Ba Ngòi (tỉnh Khánh Hòa); tuyến dẫn tàu Ninh Chữ, Cà Ná (tỉnh Ninh Thuận ) thì áp dụng mức giá lũy tiến như sau:  -Dưới 10 hải lý  -Từ 10 hải lý đến 30 hải lý  -Trên 30 hải lý	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/GT/HL	0,00374  0,00242  0,00165	0,00374  0,00242  0,00165	-  -  -	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 330 USD/lượt dẫn tàu

2.4	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng có sử dụng dịch vụ hoa tiêu thuộc các tuyến dẫn tàu tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận (trừ khu chuyển tải dầu tại Vịnh Vân Phong – Khánh Hòa), có khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/GT	0,0165	0,0165	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 110 USD/ lượt dẫn tàu
2.5	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong khu chuyển tải dầu tại vịnh Vân Phong – Khánh Hòa, có khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/GT	0,00825	0,00825	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 110 USD/ lượt dẫn tàu
2.6	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/ 1 lượt dẫn tàu	44	44	-	-
2.7	Dịch vụ Hoa tiêu chờ đợi trong trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/1 người/ 1 giờ	11	11	-	-Hoa tiêu chưa rời vị trí xuất phát tính 1 giờ. -Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, tính tối thiểu 01 giờ chờ đợi.
2.8	Dịch vụ Hoa tiêu và phương tiện chờ đợi	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/1 người và phương tiện/ 1 giờ	22	22	-	- Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu về vị trí ban đầu, tính tối thiểu 01 giờ chờ đợi. - Hoa tiêu chờ đợi tại địa điểm đón tàu dưới 4 giờ sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu.

2.9	Dịch vụ hủy Hoa tiêu do chờ đợi quá 04 giờ tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/GT/HL  USD/GT  USD/1 lượt dẫn tàu	Bằng 80% mức giá kê khai tại điểm 2.1; 2.2; 2.3  Bằng 80% mức giá kê khai tại điểm 2.4; 2.5  Bằng 80% mức giá kê khai tại điểm 2.6	Bằng 80% mức giá kê khai tại điểm 2.1; 2.2; 2.3  Bằng 80% mức giá kê khai tại điểm 2.4; 2.5  Bằng 80% mức giá kê khai tại điểm 2.6	-  -  -	Giá tối thiểu cho một tàu/ 1 lần hủy hoa tiêu bằng giá tối thiểu quy định tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5
2.10	Dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị, hiệu chỉnh la bàn	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/GT/HL (hoặc USD/GT)	Bằng 110% mức giá kê khai tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6	Bằng 110% mức giá kê khai tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6	-	Giá tối thiểu cho một tàu / 1 lượt dẫn tàu bằng 110% giá tối thiểu quy định tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5
2.11	Dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/GT/HL (hoặc USD/GT)	Bằng 150% mức giá kê khai tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6	Bằng 150% mức giá kê khai tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6	-	Giá tối thiểu cho một tàu / 1 lượt dẫn tàu bằng 150% giá tối thiểu quy định tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5
2.12	Dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/GT/HL (hoặc USD/GT)	Bằng 110% mức giá kê khai tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6	Bằng 110% mức giá kê khai tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6	-	Giá tối thiểu cho một tàu / 1 lượt dẫn tàu bằng 110% giá tối thiểu, theo cự ly dẫn tàu thực tế quy định tại điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5
2.13	Dịch vụ hoa tiêu phát sinh khi hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	USD/1 tàu/1 lượt dẫn tàu	330	330	-	-
2.14	Dịch vụ phương tiện phát sinh cho việc đưa đón hoa tiêu do tàu thuyền không tới thẳng	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN:	USD/ 1 tàu/1 lượt dẫn tàu	33	33	-	-

	cảng mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm)	HT 3690.16.31					
2.1 5	Dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng: - Dưới 5 hải lý  - Trên 5 hải lý	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số giấy CN: HT 3690.16.31	Đồng/GT	66	66	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 330.000 đồng/lượt dẫn tàu
			Đồng/GT	27,5	27,5	-	Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 330.000 đồng/lượt dẫn tàu

**2/ Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.**

Ngày 21/12/2016 Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII thực hiện kê khai giá lần đầu theo Quyết định số 3946/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ngày 09 tháng 12 năm 2016 về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu và dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo tại cảng biển Việt Nam.

Nay Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII thực hiện kê khai giá lần thứ hai theo Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải ngày 14 tháng 11 năm 2018 về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải giữa Quyết định số 3946/QĐ-BGTVT và Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải không thay đổi nên Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII không có điều chỉnh tăng/giảm.

**3/ Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)**

a) Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định; Đối với tàu thuyền chở khách, dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

b/ Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa:

- Chủ tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tàu/tháng thì từ chuyến thứ 4 trở đi của tàu này trong tháng áp dụng mức giá hoa tiêu bằng 80% mức giá tại mục 1 - điểm 1.1; 1.2; 1.3; 1.4 trong bảng kê khai giá trên nhưng không thấp hơn giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu quy định tại Ghi chú mục 1 - điểm 1.1; 1.2; 1.3; 1.4.

- Chủ tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/1 tháng/1 khu vực hàng hải thì từ chuyến thứ tư trở đi áp dụng mức giá hoa tiêu bằng 50% mức giá tại mục 1 - điểm 1.1; 1.2; 1.3; 1.4 trong bảng kê khai giá trên đối với các tàu thuyền chở khách của tổ chức, cá nhân trong tháng đó nhưng không thấp hơn giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu quy định tại Ghi chú mục 1 - điểm 1.1; 1.2; 1.3; 1.4.

c/ Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

- Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải nhiều hơn 3 chuyến/tháng/khu vực hàng hải thì từ chuyến thứ 4 trở đi của tàu này trong tháng áp dụng mức giá hoa tiêu bằng 80% mức giá tại mục 2 - điểm 2.1; 2.2; 2.3 trong bảng kê khai giá trên, nhưng không thấp hơn 330 USD;

- Chủ tàu thuyền có tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải áp dụng mức giá hoa tiêu bằng 50% mức giá tại mục 2 - điểm 2.1; 2.2; 2.3 trong bảng kê khai giá trên, nhưng không thấp hơn 330 USD;

- Tàu thuyền chở khách có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải áp dụng mức giá hoa tiêu bằng 40% mức giá tại mục 2 - điểm 2.1; 2.3 trong bảng kê khai giá trên, nhưng không thấp hơn 330 USD;

- Tàu thuyền vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách áp dụng mức giá hoa tiêu bằng 70% mức giá tại mục 2 - điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5; 2.6 trong bảng kê khai giá trên. Giá tối thiểu cho một tàu/lượt dẫn tàu bằng giá tối thiểu quy định tại Ghi chú mục 2 - điểm 2.1; 2.2; 2.3; 2.4; 2.5.

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng khác 10% thì giá dịch vụ phải trả bằng giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng cộng với mức thuế giá trị gia tăng phải nộp.

**Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/01/2019.**

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII cam kết về việc các sản phẩm, dịch vụ đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 - Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết. / *Ưu*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TC-KT.



**Nguyễn Hoài Anh**